

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH
KHOA HỌC CÂY TRỒNG**

TUYÊN QUANG, NĂM 2020

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo
- 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

- 2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của trường Đại học Tân Trào
- 2.2. Tầm nhìn
- 2.3. Sứ mạng
- 2.4. Mục tiêu chiến lược
- 2.5. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp
- 2.6. Tầm nhìn
- 2.7. Sứ mạng
- 2.8. Mục tiêu của chương trình

3. CHUẨN ĐẦU RA

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- 5.1. Thông tin tuyển sinh
- 5.2. Quy trình đào tạo
- 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- 6.1. Đội ngũ giảng viên
- 6.2. Cơ sở vật chất

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

- 7.1. Các phương pháp dạy học
- 7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- 8.1. Quy trình đánh giá
- 8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

- 9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa
- 9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
- 9.3. Nội dung chương trình
- 9.4. Kế hoạch giảng dạy
- 9.5. Bản đồ dạy học
- 9.6. Tóm tắt nội dung học phần

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

12. PHỤ LỤC

- 12.1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt
- 12.2. Bộ Đề cương chi tiết học phần
- 12.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra)
- 12.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo)
- 12.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học cây trồng được điều chỉnh năm 2020 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học cây trồng được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan. Sinh viên học tập tại ngành Khoa học cây trồng được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp, để trở thành cử nhân có chất lượng cao và đảm bảo công việc trong lĩnh vực Khoa học cây trồng.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (tiếng Việt): Khoa học cây trồng
- Tên chương trình (tiếng Anh): Crop science
- Mã ngành đào tạo: 7620110
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân
- Trình độ đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH^(*)

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng, Mục tiêu chiến lược của trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu giáo dục của trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.1.2. Sứ mạng

TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công.

2.2. Tầm nhìn, sứ mạng của Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp

2.2.1. Chức năng: Thực hiện việc đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ và các dịch vụ đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, hợp tác Quốc tế.

2.2.2. Nhiệm vụ:

- Đào tạo các trình độ đại học và cao đẳng với các loại hình đào tạo chính quy, vừa làm, vừa học, liên thông;
- Đào tạo lại, đào tạo nâng cao, liên kết đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức, cán bộ nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế - xã hội tại địa phương;
- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác nhau theo mục tiêu, chương trình giáo dục;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp;
- Xây dựng chương trình biên soạn giáo trình đào tạo các lĩnh vực thuộc Khoa giảng dạy;
- Nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới, từ đó áp dụng vào giảng dạy tốt hơn thông qua việc đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp;

2.3. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung:

Đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học cây trồng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản; có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực Khoa học cây trồng và có ý thức phục vụ cộng đồng.

- Mục tiêu cụ thể:

MT1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, giáo dục thể chất, tự nhiên - xã hội.

MT2: Có kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các công việc trong lĩnh vực Khoa học cây trồng.

MT3: Có kỹ năng thực hành các hoạt động chuyên môn ngành Khoa học cây trồng.

MT4: Có kỹ năng cơ bản về ngoại ngữ, công nghệ thông tin; giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.

MT5: Có khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn; có tinh thần khởi nghiệp; khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ để giải quyết được những vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực khoa học cây trồng.

3. CHUẨN ĐẦU RA (**)

- Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có sức khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Áp dụng những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học, tự nhiên - xã hội trong lĩnh vực Khoa học cây trồng.

- Áp dụng được những nguyên lý, phương pháp và các kiến thức chuyên ngành để phân tích những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Khoa học cây trồng.

- Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành Khoa học cây trồng để tổ chức và thực hiện tốt công việc chuyên môn theo vị trí việc làm.

- Đánh giá được các quy trình kỹ thuật trồng trọt; phòng và trừ sâu bệnh hại trên cây trồng; sản xuất và tiêu thụ nông sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị chuyên dụng, các phần mềm chuyên ngành để phục vụ công tác chuyên môn

- Thành thạo các phương pháp nhân giống cây trồng và đề xuất cơ cấu cây trồng phù hợp cho các vùng sản xuất nông nghiệp.

- Đánh giá được kết quả công việc chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp.

- Có kỹ năng truyền thông, thuyết trình chuyên tải những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Sử dụng máy tính, khai thác mạng Internet, phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel, Powerpoint,...); vận dụng kiến thức tiếng Anh cơ bản để giao tiếp, diễn đạt được những chủ đề thông thường.

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong quá trình hội nhập quốc tế. Chấp hành các nội quy, quy chế của

cơ quan, có ý thức trách nhiệm với công việc được giao, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước công việc đã thực hiện.

- Có năng lực để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Khoa học cây trồng; có khả năng tư duy phát triển năng lực cá nhân để giải quyết công việc chuyên môn.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM ()**

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Khoa học cây trồng có thể việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, các Cục, Viện, Trung tâm nghiên cứu. Các chương trình dự án phát triển thuộc lĩnh vực Khoa học cây trồng. Các cơ quan hành chính sự nghiệp từ cấp xã, phường trở lên. Các cơ sở giáo dục đào tạo: Trung tâm dạy nghề, các trường trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học có liên quan đến ngành Khoa học cây trồng.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ()**

5.1. Thông tin tuyển sinh

Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

5.2. Quy trình đào tạo

Theo chương II, chương IV, Quyết định số 1838/QĐ - ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 660/QĐ - ĐHTTr ngày 26/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1838/QĐ - ĐHTTr.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng đề nghị xét tốt nghiệp.
- Nộp đầy đủ học phí, kinh phí đào tạo theo quy định của trường;
- Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của trường đối với từng ngành cụ thể.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

Khoa Nông Lâm ngư nghiệp có 23 giảng viên sinh hoạt chuyên môn tại Khoa và 01 chuyên viên trong đó có 04 tiến sĩ 04 nghiên cứu sinh còn lại là thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên của Khoa được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng.

6.2. Cơ sở vật chất

Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp được Nhà trường đầu tư xây dựng khu giảng đường, có phòng học, phòng thí nghiệm được đầu tư trang thiết bị, máy móc hiện đại phù hợp với từng chuyên ngành phục vụ cho công việc học tập, giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo của giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đầu tư xây dựng Trung tâm thực nghiệm thực hành và chuyển giao khoa học công nghệ để phục vụ cho sản xuất nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong Khoa.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP (*)

7.1. Các phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kĩ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Có nhiều hình thức hỗ trợ người học trong nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng, thái độ

Hàng kỳ các bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ()**

8.1. Quy trình đánh giá

Các HP trong CTĐT			Chuẩn đầu ra												
TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng						NLTC& TN		
			C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 11	C Đ R 12	
							C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10			
		Mình													
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2											2	
II. Ngoại ngữ															
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		2										2	
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2		2										2	
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3		2										2	
III. Tin học đại cương															
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2										2	
IV. Khoa học tự nhiên - Xã hội															
10	TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương		2										2	
11	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê		2										2	
12	TN2.1.301.3	Hóa đại cương		2										2	
13	TN2.1.302.2	Hóa phân tích		2										2	
14	TN2.1.405.2	Sinh học đại cương		2										2	
15	TN2.1.250.2	Vật lý đại cương		2										2	
16	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2										2	
V. Giáo dục thể chất															
17	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2							2					
18	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2							2					
19	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2							2					
20	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 1)	2							2					
21	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2							2					
22	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2							2					
23	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 1)	2							2					
24	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2							2					
25	TC2.1.020.3	Giáo dục thể 2 (Bơi lội 1)	2							2					

Các HP trong CTĐT			Chuẩn đầu ra												
TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kĩ năng						NLTC&TN		
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	Cứng			Mềm			CĐR11	CĐR12	
							CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10			
26	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2								2				
27	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2								2				
28	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2								2				
29	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Câu lông 2)	2								2				
30	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2								2				
31	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2								2				
32	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2								2				
33	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2								2				
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh															
34	TC2.1.014.2	QDQP - An ninh 1	2											2	
35	TC2.1.015.2	QDQP - An ninh 2	2											2	
36	TC2.1.016.3	QDQP - An ninh 3	2											2	
37	TC2.1.017.1	QDQP - An ninh 4	2											2	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
I. Kiến thức cơ sở ngành															
1. Bắt buộc															
38	NL2.1.009.2	Vi sinh vật đại cương			2										
39	TN2.1.407.2	Hóa sinh đại cương			2			2							
40	NL2.1.108.2	Di truyền thực vật			3				3						
41	NL2.1.107.2	Thực vật học			3										
42	NL2.1.044.2	Thổ nhưỡng			2										
43	NL2.1.110.3	Sinh lý thực vật			3										2
44	NL2.1.116.4	Côn trùng nông nghiệp						3		3					
45	NL2.1.117.4	Bệnh cây nông nghiệp						4							

Các HP trong CTĐT			Chuẩn đầu ra												
TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kĩ năng						NLTC& TN		
			C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 11	C Đ R 12	
							C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10			
46	NL2.1.113.2	Phân bón			2		2								
1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 6 TC)															
47	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp	2						2						
48	NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án								2				2	
49	NL2.1.131.2	Cỏ đại				2		2							
50	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường		2					2						
II. Kiến thức ngành															
2.1. Kiến thức bắt buộc															
51	NL2.1.112.2	Khí tượng nông nghiệp		2					2						
52	NL2.1.081.2	Công nghệ sinh học				3			3						
53	NL2.1.111.3	Chọn tạo giống cây trồng				3			3						
54	NL2.1.121.2	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng		2									2		
55	TN2.1.502.3	Tin học ứng dụng						2					2		
2.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 6 TC)															
56	NL2.1.017.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2											2
57	NL2.1.129.2	Thủy nông		2		2									
58	NL2.1.019.2	Đồng cỏ và cây thức ăn				2				2					
59	NL2.1.114.2	Canh tác học				2			2						
III. Kiến thức chuyên ngành															
3.1. Kiến thức bắt buộc															
60	NL2.1.115.3	Cây rau				2	2								
61	NL2.1.118.4	Cây lương thực				2	2								
62	NL2.1.120.4	Cây công nghiệp				2	2								
63	NL2.1.122.4	Cây ăn quả				3			3						
64	NL2.1.040.3	Hoa - Cây cảnh				3			3						
65	NL2.1.126.2	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật				3		3							
66	NL2.1.128.2	Kỹ thuật bảo quản nông sản				2			2						
67	NL2.1.119.2	Rèn nghề 1: (Chọn							3	3					

Các HP trong CTĐT			Chuẩn đầu ra												
TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kĩ năng						NLTC& TN		
			C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm			C Đ R 11	C Đ R 12	
							C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10			
		tạo giống cây trồng - Côn trùng nông nghiệp)													
68	NL2.1.125.2	Rèn nghề 2: (Kỹ thuật nông nghiệp)						3	3						
69	KT2.1. 148.3	Khởi sự kinh doanh									2		2		
3.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 6 TC)															
70	NL2.1.133.2	Lâm nghiệp xã hội	2	2											
71	NL2.1.145.2	Chăn nuôi đại cương	2	2											
72	NL2.1.124.2	Khuyến nông				2					2				
IV. Thực tập															
73	NL2.1.156.4	Thực tập nghề 1: (Cây rau, Cây lương thực, Cây công nghiệp)					3	3							
74	NL2.1.157.4	Thực tập 2 (Cây ăn quả, Hoa - Cây cảnh)					3	3							
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp															
75	NL2.1.034.2	Vệ sinh an toàn thực phẩm		2			2								
76	NL2.1.130.2	Cây dược liệu					2	2							
77	NL2.1.127.2	Quản lý dịch hại tổng hợp				2	2								
78	NL2.1.161.2.	Sản phẩm và thương hiệu hàng hóa				2	2								
79	NL2.1.167.2	Nông nghiệp hữu cơ		3	3										

9.3. Nội dung chương trình

ST	Mã HP	Tên học phần	Số	Số giờ tín chỉ	Học phần
----	-------	--------------	----	----------------	----------

T			tín chỉ	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN	tiên quyết
A. Kiến thức giáo dục đại cương			39	377	164	38	30	
I. Lý luận chính trị			11	146		4	30	
1	LL2.1.040.3	Triết học Mac - Lênin	3	45				
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	26		4		LL2.1.040.3
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30				LL2.1.040.3
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22,5			15	LL2.1.040.3
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	22,5			15	LL2.1.043.2
II. Ngoại ngữ			9	69	66			
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	23	22			
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	23	22			NN2.1.001.3
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	23	22			NN2.1.002.3
III. Tin học			2	15		15		
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15		15		
IV. Khoa học tự nhiên, kinh tế - xã hội			17	147	98	19		
10	TN2.1.113.3	Toán cao cấp đại cương	3	22	23			
11	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	3	23	22			TN2.1.113.3
12	TN2.1.301.3	Hóa đại cương	3	23	13	18		
13	TN2.1.302.2	Hóa phân tích	2	16	14			TN2.1.301.3
14	TN2.1.405.2	Sinh học đại cương	2	18	11	1		
15	TN2.1.250.2	Vật lý đại cương	2	15	15			
16	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	30				
V. Giáo dục thể chất			43	37		622		
17	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	1		29		
18	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41		TC2.1.001.2
19	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4		41		TC2.1.001.2
20	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 1)	3	5		40		TC2.1.001.2
21	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Câu lông 1)	3	3		42		TC2.1.001.2
22	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	3		42		TC2.1.001.2
23	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	3		42		TC2.1.001.2

24	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	2		43		TC2.1.001.2
25	TC3.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (bơi lội 1)	3	5		40		TC2.1.001.2
26	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	3			30		TC2.1.001.2
27	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2			30		TC2.1.003.3
28	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 2)	2	1		29		TC2.1.004.3
29	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2			30		TC2.1.005.3
30	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28		TC2.1.006.3
31	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	3		27		TC2.1.007.3
32	TC3.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2			30		TC3.1.017.2
33	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2	1		29		TC2.1.020.3
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			9	93		72		
34	TC2.1.014.3	GDQP - An ninh 1	3	45				
35	TC2.1.015.2	GDQP - An ninh 2	2	30				TC2.1.014.2
36	TC2.1.016.4	GDQP - An ninh 3	2	14		16		TC2.1.015.2
37	TC2.1.017.1	GDQP - An ninh 4	2	4		56		TC2.1.016.4
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			94	653	188	1113	480	
I. Kiến thức cơ sở ngành			27	233	15	342		
1.1. Kiến thức bắt buộc			23	193	15	282		
38	NL2.1.009.2	Vi sinh vật đại cương	2	20	8	12		TN2.1.405.2
39	TN2.1.407.2	Hóa sinh đại cương	2	16		28		TN2.1.301.3
40	NL2.1.108.2	Di truyền thực vật	2	23	7			TN2.1.405.2
41	NL2.1.107.2	Thực vật học	2	17		26		TN2.1.405.2
42	NL2.1.044.2	Thỏ nhưỡng	2	15		30		TN2.1.301.3
43	NL2.1.110.3	Sinh lý thực vật	3	27		36		TN2.1.405.2
44	NL2.1.116.4	Côn trùng nông nghiệp	4	30		60		TN2.1.405.2
45	NL2.1.117.4	Bệnh cây nông nghiệp	4	30		60		NL2.1.009.2
46	NL2.1.113.2	Phân bón	2	15		30		NL2.1.044.2
1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 8 TC)			4	30		60		
47	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp**	2	15		30		NL2.1.044.2
48	NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án**	2	15		30		
49	NL2.1.131.2	Cỏ đại**	2	15		30		NL2.1.107.2
50	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường**	2	20		20		TN2.1.405.2
II. Kiến thức ngành			16	118	74	180		
2.1. Kiến thức bắt buộc			12	88	60	120		

51	NL2.1.112.2	Khí tượng nông nghiệp	2	15		30		NL2.1.016.2
52	NL2.1.081.2	Công nghệ sinh học	2	21		18		TN2.1.405.2
53	NL2.1.111.3	Chọn tạo giống cây trồng	3	20		50		NL2.1.108.2
54	NL2.1.121.2	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	2	15	4	22		TN2.1.109.3
55	TN2.1.502.3	Tin học ứng dụng	3	17	56			TN2.1.501.2
2.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 8 TC)			4	30	14	60		
56	NL2.1.017.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học **	2	16	14			
57	NL2.1.129.2	Thủy nông**	2	15		30		
58	NL2.1.019.2	Đồng cỏ và cây thức ăn**	2	20		20		
59	NL2.1.114.2	Canh tác học**	2	15		30		NL2.1.044.2
III. Kiến thức chuyên ngành			33	214	77	497		
3.1. Kiến thức bắt buộc			29	179	45	482		
60	NL2.1.115.3	Cây rau	3	22		46		NL2.1.110.3
61	NL2.1.118.4	Cây lương thực	4	30		60		NL2.1.110.3
62	NL2.1.120.4	Cây công nghiệp	4	30		60		NL2.1.110.3
63	NL2.1.122.4	Cây ăn quả	4	30		60		NL2.1.110.3
64	NL2.1.040.3	Hoa - Cây cảnh	3	22		46		NL2.1.110.3
65	NL2.1.126.2	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	2	15	15			NL2.1.116.4 NL2.1.117.4
66	NL2.1.128.2	Kỹ thuật bảo quản nông sản	2	15		30		NL2.1.110.3
67	NL2.1.119.2	Rèn nghề 1: (Chọn tạo giống cây trồng - Côn trùng nông nghiệp)	2			90		NL2.1.116.3 NL2.1.111.3
68	NL2.1.125.2	Rèn nghề 2: (Kỹ thuật nông nghiệp)	2			90		NL2.1.115.3
69	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	3	15	30			
3.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 trong 6 TC)			4	35	32	15		
70	NL2.1.133.2	Lâm nghiệp xã hội **	2	14	32			
71	NL2.1.145.2	Chăn nuôi đại cương **	2	24		12		NL2.1.009.2
72	NL2.1.124.2	Khuyến nông **	2	21		18		
IV. Thực tập			8				480	
73	NL2.1.156.4	Thực tập nghề 1 : (Cây rau, Cây lương thực, Cây công nghiệp)	4				240	NL2.1.115.3
74	NL2.1.157.4	Thực tập 2 (Cây ăn quả, Hoa -Cây cảnh)	4				240	NL2.1.122.4 NL2.1.040.3
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp								
Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			10	88	22	94		
75	NL2.1.034.2	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	20		20		
76	NL2.1.130.2	Cây dược liệu	2	15		30		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
		(Bóng đá 1)											
24	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			2							
25	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3			3							
26	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	3		3								
27	NL2.1.108.2	Di truyền thực vật	2			2							
28	NL2.1.044.2	Thỏ nhưỡng	2			2							
29	NL2.1.110.3	Sinh lý thực vật	3			3							
30	NL2.1.116.4	Côn trùng nông nghiệp	4			4							
31	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp**	2			2							
32	NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án**	2			2							
33	NL2.1.131.2	Cỏ đại**	2			2							
34	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường**	2			2							
35	NL2.1.113.2	Phân bón	2				2						
36	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2			2							
37	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2			2							
38	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 2)	2			2							
39	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2			2							
40	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2			2							
41	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2			2							
42	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội)	2			2							
43	TC3.1.018.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2			2							
44	TC2.1.014.2	GDQP - An ninh 1	2			2							
45	TC2.1.015.2	GDQP - An ninh 2	2			2							
46	TC2.1.016.4	GDQP - An ninh 3	4			4							
47	TC2.1.017.1	GDQP - An ninh 4	1			1							
48	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
49	NL2.1.112.2	Khí tượng nông nghiệp	2						2				
50	NL2.1.081.2	Công nghệ sinh học	2				2						
51	TN2.1.502.3	Tin học ứng dụng	3				3						

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
77	NL2.1.127.2	Quản lý dịch hại tổng hợp	2										2
78	NL2.1.161.2.	Sản phẩm và thương hiệu hàng hóa	2										2
79	NL2.1.167.2	Nông nghiệp hữu cơ	2										2
Tổng số			133	16	18	20	17	18	19	19			10

* Ghi chú:

- (**): Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 6, hoặc 8 tín chỉ).

- Rèn nghề, thực tập 1: Học cuối kỳ

9.5. Bản đồ chương trình dạy học (theo bản đính kèm)

9.6. Mô tả nội dung các học phần

9.6.1. Triết học Mác - Lênin: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, giúp người học có những kiến thức tổng quan về triết học Mác - Lênin. Hiểu được quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

9.6.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác - Lênin như: Hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền; học phần cung cấp cho người học kiến thức về Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá các hiện tượng kinh tế chính trị.

9.6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về CNXH Khoa học như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn CNXH trên thế giới và trong nước

9.6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh:2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người

9.6.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam :2TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 -1930); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.

9.6.6. Tiếng Anh 1:3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động trong thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng tiếng Anh

9.6.7. Tiếng Anh 2:3TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng tiếng Anh .

9.6.8. Tiếng Anh 3:3TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như: Du lịch, phim và nghệ thuật. Cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, .v.v; Cung cấp cho người học rèn luyện các kĩ năng tiếng Anh và thực hành làm các bài thi dạng A2.

9.6.9. Tin học đại cương:2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm 3 phần cơ bản: Phần I; Kiến thức cơ bản về máy tính: trang bị cho sinh viên một số khái niệm và hiểu biết cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành. Phần II; Phần mềm ứng dụng: trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến phần mềm soạn thảo văn bản được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay - MS Word, ngoài ra sinh viên có thể sử dụng bảng tính MS Excel để tính toán và biết thiết kế trang trình chiếu cơ bản với MS PowerPoint. Phần III: Mạng máy tính và Internet: mang đến cho sinh viên kiến thức về mạng máy tính (khái niệm, phân loại mạng, các thiết bị liên quan, ..), kết nối Internet và sử dụng một số ứng dụng cơ bản trên Internet

9.6.10. Toán cao cấp đại cương:3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân, phép tính tích phân, đại cương về chuỗi, phương trình vi phân.

9.6.11. Xác suất-Thống kê :3TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp đại cương.

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết.

9.6.12. Hóa đại cương :3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Cấu tạo chất, những khái niệm cơ bản về nhiệt hóa học, cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, dung dịch, điện hóa và thực hành.

9.6.13. Hóa phân tích:2TC

Điều kiện tiên quyết: Hoá học vô cơ 1, 2, Hóa đại cương 2.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về các khái niệm cơ bản trong hóa phân tích; Hóa học phân tích định tính; Hóa học phân tích định lượng; Giới thiệu một số phương pháp phân tích công cụ.

9.6.14. Sinh học đại cương:2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này bao gồm những kiến thức: Tổng quan về tổ chức cấu tạo của cơ thể sống, quá trình trao đổi chất và năng lượng của tế bào. Cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử và tế bào. Các quy luật di truyền và quá trình tiến hóa của sinh giới.

9.6.15. Vật lý đại cương:2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: cơ học chất điểm, cơ học hệ chất điểm và vật rắn, những cơ sở của thuyết động học phân tử khí lí tưởng, trường tĩnh điện, vật dẫn điện môi, dòng điện không đổi.

9.6.16. Pháp luật đại cương:2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

9.6.17. Giáo dục thể chất 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Kỹ thuật bơi ếch: Tư thế thân người, kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác chân phối hợp với thở, kỹ thuật động tác tay, phối hợp hoàn chỉnh kỹ thuật

9.6.18. Giáo dục thể chất 2 (bóng đá 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất1.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển môn bóng đá, đặc điểm, tác dụng bóng của môn bóng đá, một số điểm trong luật

bóng đá 5, 11 người, iảng dạy kỹ thuật bóng bóng đá, một số bài tập phối hợp đơn giản trong bóng

9.6.19. Giáo dục thể chất 2 (bóng bàn 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng bàn; Luật bóng bàn; Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng; Kỹ thuật lúp bóng thuận tay; Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; Kỹ thuật lúp bóng trái tay; Kỹ thuật vụt nhanh trái; Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay

9.6.20. Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Lịch sử phát sinh và phát triển môn bóng chuyền; Ảnh hưởng và tác dụng của tập luyện bóng chuyền đối với cơ thể; Luật bóng chuyền; Kỹ thuật môn bóng chuyền.

9.6.21. Giáo dục thể chất 2 (cầu lông 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Lịch sử phát triển môn cầu lông, quá trình phát triển của môn cầu lông; Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; Kỹ thuật di chuyển trong cầu lông; Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái); Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; Kỹ thuật phong cầu.

9.6.22. Giáo dục thể chất 2 (võ thuật 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Lịch sử và quá trình phát triển môn võ Vovinam; Các bài tập khởi động trong môn võ Voinam; Tập các kỹ thuật ngã trong môn võ Voinam; Tập các kỹ thuật căn bản trong môn võ Voinam; Các lối đâm căn bản trong môn võ Voinam; Các lối đá căn bản trong môn võ Voinam; Tập bài quyền số 1.

9.6.23. Giáo dục thể chất 2 (điền kinh 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Chạy cự ly ngắn; Chạy cự ly trung bình.

9.6.24. Giáo dục thể chất 2 (bóng rổ 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Lịch sử phát triển bóng rổ ở Việt Nam, quá trình phát triển của môn bóng rổ; Kỹ thuật di chuyển trong bóng rổ; Kỹ thuật bắt bóng (Bằng hai tay và một tay); Kỹ thuật chuyền bóng; Kỹ thuật dẫn bóng; Kỹ thuật ném rổ (Bằng hai tay trước ngực, một tay trên vai).

9.6.25. Giáo dục thể chất 2 (bơi lội 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Khái niệm môn bơi thể thao; Sơ lược lịch sử bơi thể thao; Tác dụng của bơi thể thao; Kỹ thuật bơi ếch; Kỹ thuật bơi trườn sấp.

9.6.26. Giáo dục thể chất 2 (bóng đá): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển môn bóng đá. Đặc điểm, tác dụng bóng của môn bóng đá; Một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người; Giảng dạy kỹ thuật bóng đá; Một số bài tập phối hợp đơn giản trong bóng đá.

9.6.27. Giáo dục thể chất 3 (bóng bàn 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; Kỹ thuật vụt nhanh trái tay; Kỹ thuật cắt bóng thuận tay; Kỹ thuật gõ bóng trái tay; Kỹ thuật giao bóng; Kỹ thuật đỡ giao bóng.

9.6.28. Giáo dục thể chất 3 (bóng chày 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Kỹ thuật các động tác môn bóng chày; Luật bóng chày.

9.6.29. Giáo dục thể chất 3 (cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông, một số điểm luật cầu lông; Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (phông cầu); Kỹ thuật đập cầu.

9.6.30. Giáo dục thể chất 3 (võ thuật 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, Luật thi đấu môn võ Vovinam; Kỹ thuật căn bản trong môn võ Vovinam; Các thế chiến lược tấn công trong môn võ Vovinam; Kỹ thuật khoá đỡ trong môn võ Vovinam.

9.6.31. Giáo dục thể chất 3 (điền kinh 2):2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nhảy cao, Nhảy xa.

9.6.32. Giáo dục thể chất 3 (bóng rổ 2):2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng rổ, một số điểm luật bóng rổ. Kỹ thuật ném rổ một tay trên cao. Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước lên rổ.

9.6.33. Giáo dục thể chất 3 (bơi lội 2):2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Kỹ thuật bơi trườn sấp.

9.6.34. GDQP - An ninh1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

9.6.35. GDQP - An ninh2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác. An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

9.6.36. GDQP - An ninh3: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng. Điều lệnh đội ngũ đơn vị. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Ba môn quân sự phối hợp.

9.6.37. GDQP - An ninh3: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần GDQP&AN 1,2,3.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1. Từng người trong chiến đấu tiến công. Từng người trong chiến đấu phòng ngự. Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

9.6.38. Vi sinh vật đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương.

Học phần này bao gồm các kiến thức về: hình thái và cấu tạo của vi sinh vật; sinh lý học vi sinh vật; di truyền học vi sinh vật; ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đối với vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên; vi sinh vật ứng dụng trong nông nghiệp.

9.6.39. Hóa sinh đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương, Sinh học đại cương

Học phần cung cấp những kiến thức về cấu tạo, thành phần hoá học, tính chất lý hóa và quá trình trao đổi của các chất trong tế bào và cơ thể sống như: protein, nucleic axit, carbohydrate, lipid, vitamin, enzyme... Mối liên quan

tương hỗ giữa sự trao đổi các chất đó, giúp cơ thể sinh vật thích ứng với môi trường.

9.6.40. Di truyền thực vật: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Các cơ sở của di truyền thực vật. Các quy luật di truyền và biến dị ở cấp độ phân tử, nhiễm sắc thể, tế bào, cá thể và quần thể ở thực vật.

9.6.41. Thực vật học: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về tế bào thực vật: chất nguyên sinh, sự phân chia tế bào. Giới thiệu sự đa dạng của thực vật qua hệ thống phân loại thực vật hạt kín, thực vật hạt trần (từ ngành- lớp - bộ - họ - loài).

9.6.42. Thổ nhưỡng: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương.

Học phần Thổ nhưỡng nghiên cứu các vấn đề về: Khoáng vật và đá hình thành đất; sự hình thành đất; sinh vật đất; chất hữu cơ của đất; keo đất và khả năng hấp phụ của keo đất; phản ứng của đất; thành phần hóa học và dinh dưỡng trong đất; thành phần chất hữu cơ và kết cấu đất; nước trong đất; không khí và nhiệt trong đất; một số tính chất vật lý, cơ lý của đất; xói mòn đất, ô nhiễm đất; độ phì nhiêu của đất; phân loại đất; đất vùng đồng bằng và ven biển Việt Nam; đất đồi núi Việt Nam.

9.6.43. Sinh lý thực vật: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Thực vật học.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Sinh lý tế bào thực vật; sự trao đổi nước của thực vật; quang hợp của thực vật bậc cao; hô hấp của thực vật; sự vận chuyển và phân bố các chất đồng hóa trong cây; dinh dưỡng khoáng và ni tơ ở thực vật; sinh trưởng và phát triển của thực vật; tính chống chịu sinh lý của thực vật.

9.6.44. Côn trùng nông nghiệp: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương.

Học phần trang bị cho người học kiến thức về: Hình thái học, phân loại, giải phẫu - sinh lý, sinh vật học, sinh thái học côn trùng. Đặc điểm hình thái, quy luật phát sinh gây hại và biện pháp phòng trừ các loài sâu hại cây trồng như:

Sâu hại cây lương thực, sâu hại cây thực phẩm, sâu hại cây công nghiệp, sâu hại cây ăn quả và nhện hại cây trồng.

9.6.45. Bệnh cây nông nghiệp: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật đại cương.

Học phần trang bị cho người học kiến thức về bản chất và nguyên nhân gây bệnh; cơ chế tương tác giữa tác nhân gây bệnh và cây trồng; sự phát triển của bệnh; phương pháp chẩn đoán, dự báo, đánh giá và quản lý bệnh trong quần thể cây trồng.

9.6.46. Phân bón: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Nhu cầu sử dụng phân bón trong sản xuất nông nghiệp; phân vô cơ và kỹ thuật sử dụng; các loại phân bón khác và kỹ thuật sử dụng; quản lý độ phì nhiêu đất trong các hệ thống canh tác.

9.6.47. Hệ thống nông nghiệp: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng.

Học phần hệ thống nông nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ thống nông nghiệp, hộ nông dân, trang trại nông hộ, ứng dụng một số phương pháp đánh giá nhanh nông thôn, thử nghiệm và mở rộng kết quả sản xuất.

9.6.48. Xây dựng và quản lý dự án: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý, xây dựng, phân tích, thẩm định, giám sát và đánh giá dự án.

9.6.49. Cỏ dại: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Thực vật học.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm và vai trò của cỏ dại; Phân loại và định dạng cỏ dại; Đặc điểm của cỏ dại; Phương pháp quản lý cỏ dại; Cỏ dại trên đồng lúa và biện pháp kiểm soát; Cỏ dại trên ruộng cây trồng cạn và biện pháp kiểm soát.

9.6.50. Sinh thái môi trường: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương.

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về sinh thái học: mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường với các cấp độ của tổ chức sống (cá thể, quần thể,

quần xã, hệ sinh thái); về tài nguyên môi trường: các chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Những kiến thức này làm cơ sở cho việc bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên. Người học còn được nghiên cứu thêm một số bài thực hành về sinh thái học, mô hình Nông - Lâm kết hợp.

9.6.51. Khí tượng nông nghiệp: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh thái môi trường

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: khí tượng đại cương; tác động của các yếu tố khí hậu đối với nông nghiệp; sử dụng hợp lý tài nguyên khí hậu nông nghiệp.

9.6.52. Công nghệ sinh học: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương.

Học phần này bao gồm các kiến thức: Đại cương về công nghệ sinh học; Cơ sở tế bào, phân tử và các kỹ thuật của công nghệ gen; Công nghệ sinh học động vật; Công nghệ sinh học thực vật; Công nghệ vi sinh; Ứng dụng của công nghệ gen

9.6.53. Chọn tạo giống cây trồng: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Di truyền thực vật.

Học phần chọn tạo giống cây trồng trang bị cho người học các kiến thức: Chọn giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp; nguồn gen thực vật trong chọn giống cây trồng; phương pháp sinh sản, tính tự bất hợp và bất dục ở thực vật; phương pháp chọn lọc ở cây tự thụ phấn; phương pháp chọn lọc ở cây giao phấn; chọn giống ở cây sinh sản vô tính; lai xa; tạo giống ưu thế lai; ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống cây trồng; khảo nghiệm và công nhận giống cây trồng và sản xuất hạt giống

9.6.54. Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Toán xác suất - Thống kê.

Học phần trang bị các kiến thức về xây dựng đề cương nghiên cứu và thiết kế thí nghiệm, cách thu thập số liệu, phân tích biến động, thí nghiệm nhân tố, sử dụng phần mềm thống kê IRRISTAT phân tích kết quả thí nghiệm, trình bày một vấn đề khoa học.

9.6.55. Tin học ứng dụng: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần này bao gồm 2 phần cơ bản: Xử lý số liệu bằng phần mềm MS Excel: trang bị cho sinh viên kiến thức về các hàm thống kê và cách xử lý số liệu trong Excel. Phần mềm ứng dụng: trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến phần mềm thống kê, xử lý dữ liệu trong nông nghiệp như IRRISTAT, Minitab.

9.6.56. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Khoa học; đại cương về nghiên cứu khoa học; trình tự logic của nghiên cứu khoa học; thu thập và xử lý thông tin; trình bày luận điểm khoa học; tổ chức thực hiện đề tài; đạo đức khoa học; đánh giá nghiên cứu khoa học

9.6.57. Thủy nông: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Khí tượng nông nghiệp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thủy nông; những nguyên lý điều tiết và chế độ tưới nước cho cây trồng; các phương pháp tưới và kỹ thuật tưới nước; hệ thống tưới nước; khảo sát và quy hoạch hệ thống thủy nông cho cây trồng trong nông nghiệp.

9.6.58. Đồng cỏ và cây thức ăn: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

Học phần giới thiệu khái quát về đồng cỏ và đặc tính các thực vật chính trên đồng cỏ Việt Nam; các yếu tố tác động đến đồng cỏ, điều tra phân loại đồng cỏ; các loại phân bón; cải tạo đồng cỏ; trồng cỏ; quản lý và sử dụng đồng cỏ; Kết hợp chăn nuôi, trồng trọt trên đất dốc; gieo trồng một số cây thức ăn xanh cho lợn; chế biến và dự trữ cỏ

9.6.59. Canh tác học: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

Học phần canh tác học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ cấu cây trồng và luân canh; làm đất; cỏ dại và biện pháp phòng trừ cỏ dại.

9.6.60. Cây rau: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật.

Học phần trang bị cho người học: kiến thức chung về cây rau; đặc tính sinh thái học của cây rau; kỹ thuật trồng rau; sản xuất rau an toàn; cây rau họ thập tự; cây rau họ cà; rau họ bầu bí; rau họ đậu.

9.6.61. Cây lương thực: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật.

Học phần Cây lương thực trang bị cho người học các kiến thức về: Giá trị kinh tế và tình hình sản xuất cây lương thực; đặc điểm thực vật học; các giai đoạn sinh trưởng, phát triển; yêu cầu điều kiện ngoại cảnh, dinh dưỡng; kỹ thuật trồng trọt của cây lúa, ngô, khoai lang, sắn.

9.6.62. Cây công nghiệp: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật.

Học phần trang bị cho người học kiến thức về: Nguồn gốc, giá trị kinh tế, tình hình sản xuất; cơ sở sinh vật học, các biện pháp kỹ thuật canh tác; thu hoạch bảo quản và chế biến các sản phẩm từ cây công nghiệp.

9.6.63. Cây ăn quả: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tài nguyên cây ăn quả Việt Nam, phân loại, vùng phân bố; cấu tạo hình thái các bộ phận, đặc tính sinh vật học cây ăn quả; vườn ươm và các phương pháp nhân giống cây ăn quả; quy hoạch và thiết kế vườn cây ăn quả. Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản các loại cây ăn quả phổ biến ở Việt Nam

9.6.64. Hoa cây cảnh: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Vai trò của cây hoa và tình hình sản xuất hoa, cây cảnh; yêu cầu ngoại cảnh cây hoa, cây cảnh; kỹ thuật nhân giống hoa, cây cảnh; kỹ thuật trồng hoa hồng; kỹ thuật trồng hoa cúc; kỹ thuật trồng hoa đồng tiền; kỹ thuật trồng hoa lily

9.6.65. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Côn trùng nông nghiệp, Bệnh cây đại cương.

Học phần trang bị cho người học kiến thức về: Vai trò, ý nghĩa của biện pháp hóa bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, cơ sở độc chất học, tác động có hại của thuốc BVTV đến môi trường sinh thái, các dạng thuốc bảo vệ thực vật, phương pháp sử dụng và biện pháp an toàn trong sử dụng thuốc bảo vệ

IN
NG
100
RA
*

thực vật. Các nhóm thuốc trừ dịch hại thông dụng: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ chuột, thuốc trừ nhuyễn thể, thuốc trừ nhện

9.6.66. Kỹ thuật bảo quản nông sản: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật.

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung như: Đặc điểm cấu tạo, thành phần hóa học, tính chất vật lý của nông sản; các quá trình biến đổi gây hư hại đến nông sản; các phương pháp bảo quản nông sản; kho bảo quản nông sản; thiết bị bảo quản nông sản; sinh vật hại nông sản và các biện pháp phòng ngừa

9.6.67. Rèn nghề 1 (Chọn tạo giống cây trồng-Côn trùng nông nghiệp): 2TC

Điều kiện tiên quyết: Chọn tạo giống cây trồng, Côn trùng nông nghiệp.

Học phần nhằm rèn luyện tay nghề cho người học về kỹ thuật Chọn tạo giống cây trồng và Côn trùng nông nghiệp: Kiểm tra chất lượng hạt giống; nhân giống vô tính; thụ phấn bổ xung; sử dụng 1 số dụng cụ và máy chuyên dụng; điều tra, thu thập, đánh giá mật độ sâu bệnh hại trên cây lương; phun thuốc phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng

9.6.68. Rèn nghề 2 (Kỹ thuật nông nghiệp): 2TC

Điều kiện tiên quyết: Cây rau, Cây lương thực, Cây công nghiệp, Cây ăn quả.

Học phần nhằm rèn luyện tay nghề cho người học về Kỹ thuật trồng rau, chăm sóc rau; Kỹ thuật làm đất trồng ngô; Kỹ thuật chăm sóc lúa; Kỹ thuật trồng đậu tương; Kỹ thuật làm cỏ, bón phân cho cây mía; Kỹ thuật trồng chè; Kỹ thuật chiết cành; Kỹ thuật ghép; Kỹ thuật vườn ươm.

9.6.69. Khởi sự kinh doanh: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết định sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết đưa doanh nghiệp phát triển.

9.6.70. Lâm nghiệp xã hội: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức: Tổng quan về lâm nghiệp xã hội, các chính sách, phát triển bền vững, kiến thức bản địa, giới và sự tham gia trong lâm nghiệp xã hội.

9.6.71. Chăn nuôi đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý; công tác giống; nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò; chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi dê; bệnh lý học đại cương; khái niệm cơ bản về dược lý thú y; bệnh ở trâu, bò, dê; bệnh ở lợn; bệnh ở gia cầm

9.6.72. Khuyến nông: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức đại cương về khuyến nông, cách tổ chức và hoạt động của khuyến nông, một số đặc điểm của khuyến nông Việt Nam, phương pháp đào tạo người lớn tuổi, kỹ năng truyền thông và các phương pháp khuyến nông.

9.6.73. Thực tập nghề 1 (cây rau, cây lương thực, cây công nghiệp): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Cây rau, Cây công nghiệp ngắn ngày, Cây lương thực.

Học phần nhằm củng cố kiến thức, rèn luyện nâng cao tay nghề cho sinh viên về: Kỹ thuật làm bầu gieo ươm cây rau giống; kỹ thuật trồng và chăm sóc ngô; kỹ thuật chăm sóc lạc; kỹ thuật thâm canh lúa.

9.6.74. Thực tập 2 (cây ăn quả, hoa cây cảnh): 4TC

Điều kiện tiên quyết: Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản thực tập về: Nhân giống cây ăn quả; Kỹ thuật trồng chăm sóc cây ăn quả; Sâu bệnh hại cây ăn quả; Hoa cây cảnh.

*** Khóa luận tốt nghiệp: 10TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong các môn học quy định trong chương trình đào tạo.

Sau khi học xong hết các học phần, người học đủ điều kiện sẽ thực hiện làm khóa luận tốt nghiệp về chuyên ngành Khoa học cây trồng. Học phần sẽ

giúp cho người học củng cố kiến thức, vận dụng vào thực tế và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

9.6.75. Vệ sinh an toàn thực phẩm: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Đại cương về vệ sinh an toàn thực phẩm; ngộ độc thực phẩm; bệnh nhiễm khuẩn thực phẩm; vệ sinh ăn uống công cộng; hoạt động quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm; hệ thống tiêu chuẩn hóa.

9.6.76. Cây dược liệu: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Thực vật học, Sinh lý thực vật.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Giới thiệu chung về cây dược liệu; những kỹ thuật cơ bản trong sản xuất cây dược liệu; kỹ thuật trồng trọt một số cây dược liệu dưới tán rừng.

9.6.77. Quản lý dịch hại tổng hợp: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Côn trùng nông nghiệp, Bệnh cây nông nghiệp.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Cơ sở khoa học, các nguyên lý cơ bản và các biện pháp của chương trình phòng trừ dịch hại tổng hợp; Những nguyên tắc thiết lập và yêu cầu của việc áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp. Các biện pháp trong phòng trừ dịch hại tổng hợp, ưu nhược điểm của từng biện pháp, vai trò của chúng trong IPM.

9.6.78. Sản phẩm và thương hiệu hàng hóa: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu, lựa chọn mô hình và định vị thương hiệu; Thiết kế thương hiệu; bảo hộ thương hiệu; Thương hiệu và chất lượng sản phẩm; Duy trì và phát triển thương hiệu; Khai thác thương hiệu

9.6.79. Nông nghiệp hữu cơ: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sinh học.

Học phần được chia làm 4 phần chính: Cơ sở khoa học và sự phát triển của nông nghiệp hữu cơ; Đất và độ phì đất trong nông nghiệp hữu cơ; Phân bón trong nông nghiệp hữu cơ; Kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp hữu cơ. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền nông nghiệp hữu cơ; Mối quan hệ qua lại giữa đất, dinh dưỡng cây trồng, môi trường tự nhiên với các sinh vật

trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ; Trên cơ sở đó ứng dụng vào kỹ thuật canh tác một số cây trồng theo hướng hữu cơ để tạo ra nông sản an toàn kết hợp với bảo vệ môi trường sống cho các loài sinh vật trong các hệ sinh thái nông nghiệp.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Khoa học cây trồng đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo với các trường đại học trong và ngoài nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo gồm có:

* Quốc tế

- Trường Đại học Đông Nam Philippin

* Việt Nam

- Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang

- Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Quá trình đối sánh cho thấy khối lượng kiến thức và số học phần trong chương trình đào tạo ngành Khoa học cây trồng (đại học, chính quy, tín chỉ) do Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp trường Đại học Tân Trào xây dựng chương trình đào tạo là hoàn toàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Khoa học cây trồng đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của trường Đại học Tân Trào.

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2020



PGS.TS Nguyễn Bá Đức

PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Vi Xuân Học

Ghi chú:

(*) Tham khảo

(**) Viết theo bản Chương trình đào tạo